

Số: 167 /2020/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 04 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Trần Ngọc Á- Sinh năm: 1975. Trú tại: Chung cư làng K, tổ 146 phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

Bà Lê Thị Đ - Sinh năm: 1978. Trú tại: Trú tại: Tổ M, Vũng T, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND phường Thuận P, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Trần Ngọc Á trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị Đ có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND phường Thuận P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã. Mâu thuẫn được hai bên gia đình giải hòa nhưng không có kết quả. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và bà Lê Thị Đ xác định vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và bà Lê Thị Đ không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Lê Thị Đ không có nợ chung.

* Ý kiến của bà Lê Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Ngọc Á có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND phường Thuận P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã. Mâu thuẫn được hai bên gia đình giải hòa nhưng không có kết quả. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và ông Trần Ngọc Á xác định vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Tôi xác định và ông Trần Ngọc Á không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định và ông Trần Ngọc Á không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Á và bà Đ lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông Á và bà Đ đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông Á và bà Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Á và bà Đ là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ xác định vợ chồng không có con chung.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ đã nộp tại biên lai thu số 0006230 ngày 17/ 7 /2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ.

- Về nuôi con chung: Ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ xác định vợ chồng không có con chung.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ xác định không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Trần Ngọc Á và bà Lê Thị Đ đã nộp tại biên lai thu số 0006230 ngày 17/ 7 /2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường Thuận P;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG